Quick Setup Guide
Guide de configuration rapide

DB10E-T / DB10E-POE

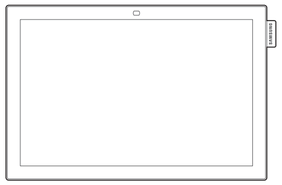

– The colour and the appearance may differ depending on the product, and the specifications are subject to change without prior notice to improve the performance.
– Download the user manual from the website for further details.
http://www.samsung.com/displaysolutions

– La couleur et l'aspect du produit peuvent varier en fonction du modèle, et ses spécifications peuvent être modifiées sans préavis pour des raisons d'amélioration des performances.
– Téléchargez le manuel utilisateur du site Web pour obtenir plus de détails.

The terms HDMI and HDMI High-Definition Multimedia Interface, and the HDMI Logo are trademarks or registered trademarks of HDMI Licensing LLC in the United States and other countries.

BN68-07553E-01

Checking the Components
Vérification des composants

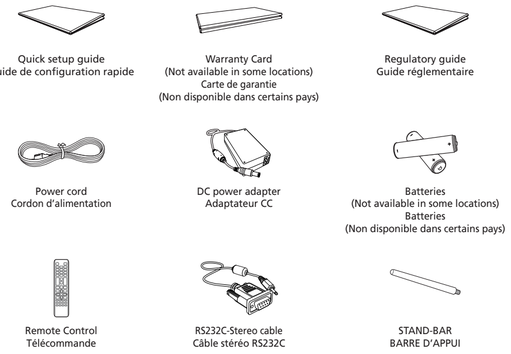

[English]
– Contact the vendor where you purchased the product if any components are missing.
– Components may differ in different locations.
– Recommended hours of use per day of this product is under 16 hours. If the product is used for longer than 16 hours a day, the warranty may be void.

[Français]
– S'il manque le moindre composant, contactez le revendeur auprès duquel vous avez acheté le produit.
– Les composants peuvent être différents suivant la région.
– Il est recommandé d'utiliser ce produit moins de 16 heures par jour. L'utilisation quotidienne du produit pendant une durée supérieure à 16 heures peut entraîner l'annulation de la garantie.

[Português]
– Contacte o vendedor onde adquiriu o produto caso haja componentes em falta.
– Os componentes podem variar em locais diferentes.
– Recomenda-se que este produto não seja utilizado durante mais de 16 horas por dia. Caso o produto seja utilizado durante mais de 16 horas por dia, a garantia pode ser nula.

[Tiếng Việt]
– Liên hệ với nhà cung cấp nơi bạn mua sản phẩm nếu có thành phần nào bị thiếu.
– Các thành phần có thể khác nhau tại các địa điểm khác nhau.
– Số giờ được khuyến nghị để sử dụng sản phẩm này là dưới 16 giờ mỗi ngày. Nếu sản phẩm được sử dụng quá 16 giờ một ngày, bảo hành có thể bị từ chối.

[繁體中文]
– 如有任何元件遺漏，請聯絡您購買產品的供應商。
– 不同地區的元件可能有所差異。
– 建議每日使用本產品不得超過 16 小時。
若每日使用產品超過 16 小時，保證可能失效。

[العربية]
– اتصل بالبائع الذي اشتريت منه المنتج في حالة عدم وجود أي مكونات.
– قد تختلف المكونات باختلاف المواقع.
– ساعات استخدام المنتج الم وصى بها ي وميًا أقل من 16 ساعة.
سيصبح الضمان لاغيًا في حالة استخدام المنتج لأكثر من 16 ساعة ي وميًا.

Control Panel
Panneau de configuration

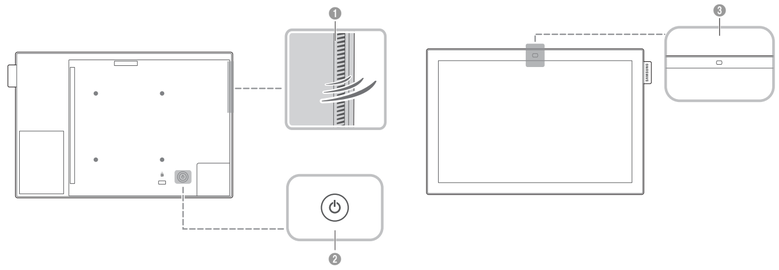

[English]
1. Speaker
   - Model DB10E-T is only supported.
2. Use this button for turning the Display on and off.
3. Remote sensor
   Press a button on the remote control pointing at the sensor on the front of the product to perform the corresponding function.
   - Using other display devices in the same space as the remote control of this product can cause the other display devices to be inadvertently controlled.

[Français]
1. Haut-parleur
   - Seul le modèle DB10E-T est pris en charge.
2. Utilisez ce bouton pour mettre l'écran sous et hors tension.
3. Capteur de la télécommande
   Appuyez sur un bouton de la télécommande tout en pointant cette dernière vers le capteur situé à l'avant du produit pour exécuter la fonction correspondante.
   - Si vous utilisez la télécommande de ce produit dans le même espace que d'autres périphériques d'affichage, il se peut que ces derniers soient commandés par mégarde.

[Português]
1. Altifalante
   - Só é suportado o modelo DB10E-T.
2. Use este botão para ligar e desligar o ecrã.
3. Sensor do telecomando
   Prima um botão do telecomando apontando para o sensor localizado na parte frontal do produto para executar a função correspondente.
   - Se utilizar outros dispositivos de visualização no mesmo espaço do telecomando deste produto poderá vir a controlar estes outros dispositivos acidentalmente.

[Tiếng Việt]
1. Loa
   - Chỉ hỗ trợ kiểu máy DB10E-T.
2. Sử dụng nút này để bật và tắt Màn hình.
3. Cảm biến từ xa
   Nhấn nút trên điều khiển từ xa trỏ vào cảm biến trên mặt trước của sản phẩm để thực hiện chức năng tương ứng.
   - Sử dụng các thiết bị màn hình khác trong cùng một không gian như điều khiển từ xa của sản phẩm này có thể làm cho thiết bị màn hình vô tình bị điều khiển.

[繁體中文]
1. 喇叭
   - 僅支援 DB10E-T 機型。
2. 使用此按鈕可開啓或關閉顯示器。
3. 遙控感測器
   對著產品正面的感測器按下遙控器上的按鈕，執行相對應的功能。
   - 在相同地點與本產品的遙控器一併使用其他顯示裝置，可能會導致其他顯示裝置發生未能如預期受控制。

[العربية]
1. السماعة
   - يتم دعم النموذج DB10E-T فقط.
2. استخدم هذا الزر لتشغيل شاشة العرض أو إيقاف تشغيلها.
3. مستشعر وحدة التحكم عن بُعد
   اضغط على زر في جهاز التحكم عن بُعد مع توجيهه إلى المستشعر الموجود بمقدمة المنتج لإجراء الوظيفة المطابقة.
   - استخدام أجهزة العرض الأخرى في نفس مساحة وحدة التحكم عن بُعد الخاصة بهذا المنتج قد يؤدي إلى التحكم في هذه الأجهزة دون قصد.

Reverse Side
Face arrière

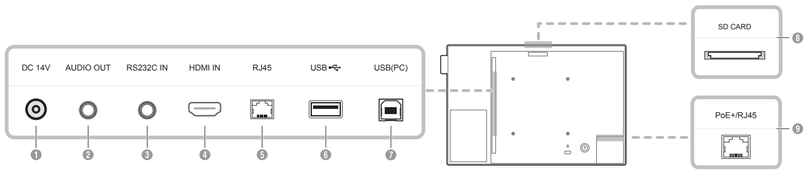

[English]
1. Connects to the DC power adapter.
2. Connects to the audio of a source device.
3. Connects to MDC using an RS232C-Stereo cable.
4. Connects to a source device using an HDMI cable.
5. Connects to MDC using a LAN cable.
   - Model DB10E-T is only supported.
6. Connect to a USB memory device.
7. Connect to your PC via a USB 2.0 upstream cable.
   - The product can be connected only to a desktop, laptop or tablet PC.
   - The USB 2.0 upstream cable is sold separately.
   - Model DB10E-T is only supported.
8. Connect to an SD memory card.
9. Connects to a PSE(Power Sourcing Equipment) using a LAN cable. A malfunction can occur if you insert or remove the power adapter while power is being supplied to the PoE+(Power over Ethernet) port on the product from the PSE (Power Sourcing Equipment).
   - Model DB10E-POE is only supported.

[Français]
1. Permet le branchement à l'adaptateur d'alimentation CC.
2. Connexion au signal audio d'un périphérique source.
3. Permet de se connecter à MDC via un câble stéréo RS232C.
4. Permet le branchement à un périphérique source via un câble HDMI.
5. Permet de se connecter à MDC via un câble LAN.
   - Seul le modèle DB10E-T est pris en charge.
6. Permet de se connecter à un périphérique de mémoire USB.
7. Connectez à votre PC via un câble USB 2.0 ascendant.
   - Le produit ne peut être connecté qu'à un ordinateur de bureau, un ordinateur portable ou une tablette.
   - Le câble USB 2.0 ascendant est vendu séparément.
   - Seul le modèle DB10E-T est pris en charge.
8. Permet de se connecter à une carte mémoire SD.
9. Permet de se connecter à un périphérique PSE (Power Sourcing Equipment - équipement fournissant une alimentation électrique) à l'aide d'un câble de réseau local. Un dysfonctionnement risque de se produire si vous insérez ou retirez l'adaptateur d'alimentation alors que le port PoE+ (Power over Ethernet - alimentation via Ethernet) du produit est alimenté par le périphérique PSE (Power Sourcing Equipment - équipement fournissant une alimentation électrique). Permet de se connecter à MDC via un câble LAN.
   - Seul le modèle DB10E-POE est pris en charge.

[Português]
1. Para ligar o adaptador de alimentação CC.
2. Liga-se ao áudio de um dispositivo de entrada.
3. Liga-se ao MDC através de um cabo estéreo RS232C.
4. Para ligar a um dispositivo de fonte utilizando um cabo HDMI.
5. Liga-se ao MDC através de um cabo LAN.
   - Só é suportado o modelo DB10E-T.
6. Ligue a um dispositivo de memória USB.
7. Ligue ao seu PC utilizando um cabo USB 2.0 "upstream".
   - O produto só pode ser ligado a um computador de secretária, portátil ou a um tablet.
   - O cabo USB 2.0 "upstream" é vendido em separado.
   - Só é suportado o modelo DB10E-T.
8. Ligue a um cartão de memória SD.
9. Liga-se a um equipamento PSE (Power Sourcing Equipment - Equipamento de fornecimento de energia) através de um cabo LAN. Poderá ocorrer uma avaria se introduzir ou remover o adaptador de alimentação quando a porta PoE+ (Power over Ethernet) do produto está a receber alimentação do PSE (Power Sourcing Equipment -Equipamento de fornecimento de energia). Liga-se ao MDC através de um cabo LAN.
   - Só é suportado o modelo DB10E-POE

[Tiếng Việt]
1. Kết nối bộ điều hợp nguồn DC.
2. Kết nối với âm thanh của thiết bị nguồn tín hiệu.
3. Kết nối với MDC bằng cáp stereo RS232C.
4. Kết nối với thiết bị nguồn bằng cáp HDMI.
5. Kết nối với MDC bằng cáp LAN.
   - Chỉ hỗ trợ kiểu máy DB10E-T.
6. Kết nối với thiết bị nhớ USB.
7. Kết nối với PC của bạn qua cáp ngược dòng USB 2.0.
   - Bạn chỉ có thể kết nối sản phẩm với máy tính để bàn, máy tính xách tay hoặc máy tính bảng.
   - Cáp ngược dòng USB 2.0 được bán riêng.
   - Chỉ hỗ trợ kiểu máy DB10E-T.
8. Kết nối với thẻ nhớ SD.
9. Kết nối với PSE (Thiết bị cấp nguồn) bằng cáp LAN. Có thể xảy ra hỏng hóc nếu bạn tháo hoặc lắp bộ điều hợp nguồn trong khi PSE (Thiết bị cấp nguồn) đang cấp điện cho cổng PoE+ (Cấp nguồn qua Ethernet) trên sản phẩm. Kết nối với MDC bằng cáp LAN.
   - Chỉ hỗ trợ kiểu máy DB10E-POE.

[繁體中文]
1. 連接到 DC 變壓器。
2. 連接至訊號源裝置的音訊。
3. 使用 RS232C 立體聲纜線連接至 MDC。
4. 用 HDMI 纜線連接至訊號源裝置。
5. 使用 LAN 纜線連接至 MDC。
   - 僅支援 DB10E-T 機型。
6. 連接至 USB 記憶裝置。
7. 透過 USB 2.0 上游纜線連接至您的 PC。
   - 本產品只能夠連接到桌上型電腦、筆記本電腦或平板 PC。
   - USB 2.0 上游纜線為單獨出售。
   - 僅支援 DB10E-T 機型。
8. 連接 SD 記憶卡。
9. 使用 LAN 纜線連接至 PSE（供電設備）。若在電源透過 PSE（供電設備）為產品上 PoE+（乙太網路供電）連接埠供電時插入或移除變壓器，可能發生故障。使用 LAN 纜線連接至 MDC。
   - 僅支援 DB10E-POE 機型。

[العربية]
1. التوصيل بمحول طاقة للتيار المستمر.
2. للتوصيل بصوت جهاز مصدر.
3. التوصيل بالمنفذ MDC باستخدام كبل RS232C استريو.
4. للتوصيل بجهاز مصدر باستخدام كبل HDMI.
5. التوصيل بالمنفذ MDC باستخدام كبل LAN.
   - يتم دعم النموذج DB10E-T فقط.
6. التوصيل بجهاز ذاكرة USB.
7. وصّل الكمبيوتر لديك باستخدام كبل انتقال البيانات USB 2.0.
   - لا يمكن توصيل المنتج إلا بكمبيوتر مكتبي أو كمبيوتر محمول أو كمبيوتر لوحي.
   - يُباع كبل انتقال البيانات USB 2.0 بشكل منفصل.
   - يتم دعم النموذج DB10E-T فقط.
8. توصيل بطاقة ذاكرة SD.
9. للتوصيل بجهاز PSE (معدات الإمداد بالطاقة) باستخدام كبل LAN. يمكن أن يحدث خلل في حالة إدراج محول الطاقة أو إزالته أثناء إمداد منفذ POE+ (الطاقة عبر الإيثرنت) الموجود بالمنتج من PSE (معدات الإمداد بالطاقة). التوصيل بالمنفذ MDC باستخدام كبل LAN.
   - يتم دعم النموذج DB10E-POE فقط.

DB10E-POE Model Only
modèle DB10E-POE uniquement

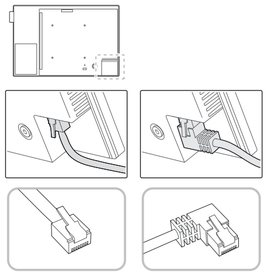

[English]
To install the monitor using the STAND BAR, purchase and use the type of LAN cable shown in the picture.

[Français]
Pour installer le moniteur à l'aide de la BARRE DE SUPPORT, achetez et utilisez le type de câble de réseau local indiqué sur l'image.

[Português]
Para utilizar o monitor com a BARRA DE SUPORTE, adquira e utilize um cabo LAN do tipo apresentado na imagem.

[Tiếng Việt]
Để lắp đặt màn hình bằng THANH CHÂN, hãy mua và sử dụng loại cáp LAN được minh họa trong hình vẽ.

[繁體中文]
若要使用支撐桿安裝顯示器，請購買並使用如圖所示的 LAN 纜線類型。

[العربية]
لتثبيت جهاز العرض باستخدام عمود الحامل، قم بشراء نوع الكابل LAN الموضح في الصورة واستخدامه..

Administrator menu (DB10E-T Model Only)
Menu d'administrateur (modèle DB10E-T uniquement)

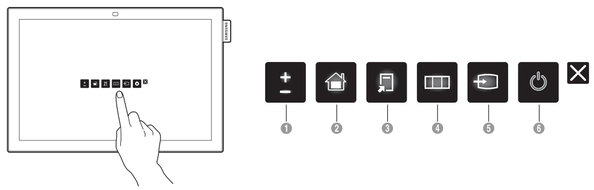

[English]
- Touching and holding on the screen when the product is turned on displays the administrator menu.
- If touchscreen control is not available
  From the menu screen, use the remote control to go to
  System → **Touch Control** → **Touch Control Lock** and select **Off**.
- If the administrator menu is not displayed
  From the menu screen, use the remote control to go to
  System → **Touch Control** → **Admin Menu Lock** and select **Off**.
1. Ajuste o **Volume**.
2. Enter **Home** mode.
3. Display **Tools**.
4. Display the OSD menu. To change settings, select a menu item.
5. Select the connected input source.
   Select an input source from the displayed list of input sources.
6. Power off the product.

[Français]
- Pour afficher le menu d'administrateur, touchez l'écran et maintenez le doigt dessus lorsque le produit est allumé.
- Si le contrôle d'écran tactile n'est pas disponible
  Dans l'écran du menu, utilisez la télécommande pour accéder aux options
  Système → **Commandes tactiles** → **Verr. commandes tactiles** et sélectionnez **Arrêt**.
- Si le menu d'administrateur ne s'affiche pas
  Dans l'écran du menu, utilisez la télécommande pour accéder aux options
  Système → **Commandes tactiles** → **Verrouillage menu admin** et sélectionnez **Arrêt**.
1. Permet de modifier le **Volume**.
2. Passez en mode **Accueil**.
3. Affichez les **Outils**.
4. Affichez le menu OSD. Pour modifier les réglages, sélectionnez une option.
5. Sélectionnez la source d'entrée connectée.
   Sélectionnez une source d'entrée dans la liste des sources d'entrée affichée.
6. Met l'appareil hors tension.

[Português]
- Toque sem soltar no ecrã, quando o produto estiver ligado, para exibir o menu do administrador.
- Se o controlo por ecrã tátil não estiver disponível
  A partir do ecrã do menu, utilize o telecomando para ir para
  Sistema → **Controlo de Toque** → **Bloq. Controlo de Toque** e selecione **Desl.**.
- Se o menu do administrador não for exibido
  A partir do ecrã do menu, utilize o telecomando para ir para **Sistema** →
  Controlo de Toque → **Bloqueio do Menu Admin** e selecione **Desl.**.
1. Ajuste o **Volume**.
2. Para aceder ao modo **Página Principal**.
3. Visualize as **Ferramentas**.
4. Apresenta o menu OSD. Para alterar as definições, selecione um item do menu.
5. Para seleccionar a fonte de entrada ligada.
   Selecione uma fonte de entrada na lista de fontes de entrada exibida.
6. Para desligar o produto.

[Tiếng Việt]
- Chạm và giữ màn hình khi bật sản phẩm sẽ hiển thị menu quản trị viên.
- Nếu điều khiển màn hình cảm ứng không khả dụng
  Từ màn hình menu, sử dụng điều khiển từ xa để đi tới
  System → **Touch Control** → **Touch Control Lock** và chọn **Off**.
- Nếu menu quản trị viên không hiển thị
  Từ màn hình menu, sử dụng điều khiển từ xa để đi tới
  System → **Touch Control** → **Admin Menu Lock** và chọn **Off**.
1. Điều chỉnh **Volume**.
2. Chuyển sang chế độ **Home**.
3. Hiển thị **Tools**.
4. Hiển thị trình đơn OSD. Để thay đổi cài đặt, chọn một mục menu.
5. Chọn nguồn tín hiệu đầu vào được kết nối.
   Chọn nguồn vào từ danh sách các nguồn vào được hiển thị.
6. Tắt nguồn sản phẩm.

[繁體中文]
- 在產品開啓時輕觸並按住螢幕會顯示管理員功能表。
- 如果觸控螢幕控制不可用
  從功能表螢幕，使用遙控器移至 **系統** → **觸控** → **觸控鎖** 然後選擇**關閉**。
- 如果未顯示管理員功能表
  從功能表螢幕，使用遙控器移至 **系統** → **觸控** → **管理員選單鎖** 然後選擇 **關閉**。
1. 調整 **音量**。
2. 進入 **首頁** 模式。
3. 顯示 **工具**。
4. 顯示OSD 功能表。 若要變更設定，請選擇功能表項目。
5. 選擇已連接的輸入來源。
   從顯示的輸入訊號源清單選擇輸入訊號源。
6. 關閉產品的電源。

[العربية]
- يؤدي لمس الشاشة مع الاستمرار عندما يكون المنتج في وضع التشغيل إلى عرض قائمة المسؤول.
- في حالة عدم توافر إمكانية التحكم من خلال الشاشة اللمسي تعمل باللمس
  من شاشة القائمة، استخدم جهاز التحكم عن بعد للانتقال إلى
  النظام ← **التحكم عن طريق اللمس** ← **قفل التحكم عن طريق اللمس**، وحدد **إيقاف**.
- في حالة عدم عرض قائمة المسؤول
  من شاشة القائمة، استخدم جهاز التحكم عن بعد للانتقال إلى
  النظام ← **التحكم عن طريق اللمس** ← **قفل قائمة المسؤول**، وحدد **إيقاف**.
1. ضبط **الصوت**.
2. الدخول إلى الوضع **رئيسية**.
3. عرض **أدوات**.
4. عرض قائمة العرض على الشاشة. لتغيير الإعدادات، حدد عنصر قائمة.
5. تحديد مصدر الإدخال المتصل.
   حدد مصدر إدخال من القائمة المعروضة لمصادر الإدخال.
6. إيقاف تشغيل المنتج.

Connecting and Using a Source Device
Connexion et utilisation d'un périphérique source

Connecting to a PC
Connexion à un PC

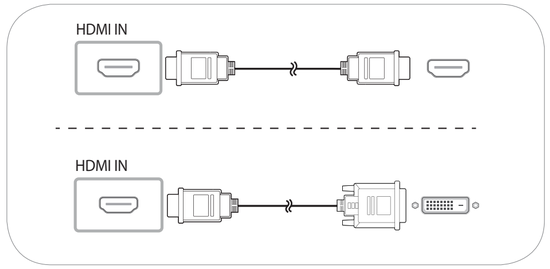

Connecting to a Video Device
Connexion à un appareil vidéo

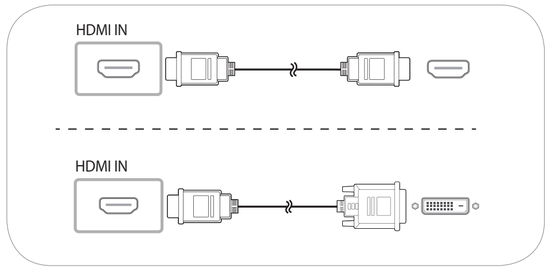

Connecting the LAN Cable
Connexion du câble LAN

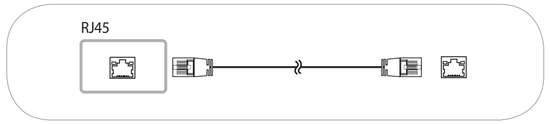

Connecting to MDC
Connexion à MDC

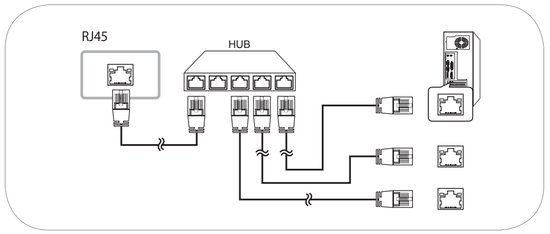

[English]
For details on how to use the MDC programme, refer to Help after installing the programme.
The MDC programme is available on the website.

[Français]
Pour obtenir des détails sur la manière d'utiliser le programme MDC, reportez-vous à l'Aide après avoir installé le programme.
Le programme MDC est disponible sur le site Web.

[Português]
Para obter detalhes sobre como usar o programa MDC, consulte a Ajuda depois de instalar o programa.
O programa MDC está disponível no site.

[Tiếng Việt]
Để biết chi tiết về cách sử dụng chương trình MDC, hãy tham khảo Trợ giúp sau khi cài đặt chương trình.
Chương trình MDC có sẵn trên trang web.

[繁體中文]
關於如何使用 MDC 程式的詳細資訊，請在安裝該程式後參見說明。
MDC 程式可在網站上取得。

[العربية]
للحصول على تفاصيل حول كيفية استخدام برنامج MDC ، راجع "تعليمات" بعد تثبيت البرنامج.
يتوفر برنامج MDC على موقع الويب.

Troubleshooting Guide
Guide de dépannage

[English]

Issues	Solutions
The screen keeps switching on and off.	Check the cable connection between the product and PC, and ensure the connection is secure.
No Signal is displayed on the screen.	Check that the product is connected correctly with a cable.
	Check that the device connected to the product is powered on.
Not Optimum Mode is displayed.	This message is displayed when a signal from the graphics card exceeds the product's maximum resolution and frequency.
	Refer to the Standard Signal Mode Table and set the maximum resolution and frequency according to the product specifications.
The touch function does not work. (DB10E-T Model Only)	Make sure not to use an object other than your finger when tapping the screen.
	Make sure the screen or your finger is not wet.
	Make sure you are not wearing a glove and your finger is not dirty.

[Français]

Problèmes	Solutions
L'écran s'allume et s'éteint continuellement.	Vérifiez que le câble est connecté correctement entre l'appareil et l'ordinateur.
Aucun signal s'affiche à l'écran.	Vérifiez que l'appareil est connecté correctement à l'aide d'un câble.
	Assurez-vous que le périphérique connecté à l'appareil est sous tension.
Mode non optimal est affiché.	Ce message s'affiche lorsqu'un signal émis par la carte graphique est supérieur à la fréquence et la résolution maximales de l'appareil.
	Consultez le tableau des modes de signal standard et réglez la fréquence et la résolution maximales conformément aux spécifications de l'appareil.
La fonction tactile n'est pas opérationnelle. (modèle DB10E-T uniquement)	Veillez à n'utiliser que votre doigt pour appuyer sur l'écran.
	Assurez-vous qu'il n'y ait pas de trace d'humidité sur l'écran ou votre doigt.
	Veillez à ne pas porter de gants et à laver vos mains avant de toucher l'écran.

[Português]

Problemas	Soluções
O ecrã está continuamente a ligar e a desligar.	Verifique a ligação do cabo entre o produto e o PC, e certifique-se de que a ligação está bem efectuada.
A mensagem **Sem sinal** é apresentada no ecrã.	Verifique se o produto está ligado correctamente com um cabo.
	Verifique se o dispositivo ligado ao produto está ligado.
A mensagem **Modo inadequado** é apresentada.	Esta mensagem é apresentada quando um sinal da placa gráfica ultrapassa a resolução e a frequência máximas do produto.
	Consulte a Tabela do modo de sinal padrão e defina a resolução e a frequência máximas de acordo com as especificações do produto.
A função de toque não funciona. (apenas para o modelo DB10E-T)	Certifique-se de que não utiliza qualquer outro objeto para além do dedo para tocar no ecrã.
	Certifique-se de que o ecrã e o dedo não estão molhados.
	Certifique-se de que não está a usar luvas e que não tem os dedos sujos.

[Tiếng Việt]

Các vấn đề	Giải pháp
Màn hình liên tục bật và tắt.	Kiểm tra kết nối cáp giữa sản phẩm và PC, và đảm bảo kết nối chắc chắn.
No Signal được hiển thị trên màn hình.	Kiểm tra xem sản phẩm có kết nối đúng với cáp chưa.
	Kiểm tra xem thiết bị kết nối với với sản phẩm có bật không.
Not Optimum Mode được hiển thị.	Thông báo được hiển thị khi một tín hiệu từ card màn hình vượt quá độ phân giải và tần số tối đa.
	Tham khảo Bảng chế độ tín hiệu tiêu chuẩn và cài đặt độ phân giải và tần số tối đa theo thông số sản phẩm.
Chức năng cảm ứng không hoạt động. (chỉ mẫu DB10E-T)	Đảm bảo không sử dụng vật nào khác ngoài ngón tay khi chạm vào màn hình.
	Đảm bảo màn hình hoặc ngón tay không ướt.
	Đảm bảo bạn không đeo găng tay và ngón tay bạn không bẩn.

[繁體中文]

問題	解決方案
螢幕不斷開啓和關閉。	檢查產品和 PC 間的纜線連接，並確定連接牢固。
螢幕上顯示**無訊號**。	檢查產品是否已經使用纜線正確連接。
	檢查連接至產品的裝置是否已經開啓電源。
顯示**非最佳化模式**。	圖形卡所發出的訊號超過產品的最大解析度和頻率時，就會顯示此訊息。
	請參閱「標準訊號模式表」，並根據產品規格設定最大解析度與頻率。
觸控功能無法運作。(DB10E-T 機型適用)	確保不要使用手指以外的任何物件輕按螢幕。
	確保螢幕或您的手指沒有弄濕。
	確保不要穿戴手套或您的手指沒有弄髒。

[العربية]

المشاكل	الحلول
يتم تشغيل الشاشة ثم إيقاف تشغيلها بشكل متكرر.	افحص وصلة الكبل بين المنتج والكمبيوتر، وتأكد من إحكام التوصيل.
يتم عرض **لا توجد إشارة** على الشاشة.	تحقق من توصيل المنتج بشكل صحيح من خلال كابل.
	تحقق من تشغيل الجهاز المتصل بالمنتج.
يتم عرض **ليس الوضع الأمثل**.	يتم عرض هذه الرسالة عند تجاوز الإشارة الواردة من بطاقة الرسومات لأقصى دقة وتردد للمنتج.
	ارجع إلى "جدول الأوضاع القياسية للإشارات" واضبط أقصى دقة وتردد وفقًا لمواصفات المنتج.
وظيفة اللمس لا تعمل. (لطراز DB10E-T فقط)	احرص على عدم استخدام أداة بخلاف إصبعك عند الضغط على الشاشة.
	احرص على عدم ابتلال الشاشة أو إصبعك.
	احرص على عدم استخدام قفاز وألا يكون إصبعك غير نظيف.

[English]

Specifications

Model Name		DB10E-T	DB10E-POE
Panel	Size	10 CLASS (10.1 inches / 25 cm)	
	Display area	217.0 mm (H) x 135.6 mm (V)	
Dimensions (W x H x D)		246.8 x 165.2 x 27.9 mm	246.8 x 165.2 x 27 mm
Weight		0.7 kg	
Audio Output		5 W x 1 (Model DB10E-T is only supported.)	
Power Supply		AC 100 to 240 VAC, 60 / 50 Hz ± 3 Hz Refer to the label at the back of the product as the standard voltage can vary in different countries.	
Environmental considerations	Operating	Temperature: 32 °F – 104 °F (0 °C – 40 °C) Humidity: 10% – 80%, non-condensing	
	Storage	Temperature: -4 °F – 113 °F (-20 °C – 45 °C) Humidity: 5% – 95%, non-condensing	

– This device is a Class A digital apparatus.

PowerSaver

PowerSaver	Normal Operation			Power saving mode (SOG Signal : Not Support the DPM Mode)	Power off (Power Button)
	Rating	Typical	Max		
Power Indicator	Off			Blinking	Off
Power Consumption	22 W	18 W	24.2 W	less than 0.5 W	less than 0.5 W

– The displayed power consumption level can vary in different operating conditions or when settings are changed.

[Português]

Características técnicas

Nome do modelo		DB10E-T	DB10E-POE
Painel	Tamanho	Classe 10 (10,1 polegadas / 25 cm)	
	Área de visualização	217,0 mm (H) x 135,6 mm (V)	
Dimensões (L x A x P)		246,8 x 165,2 x 27,9 mm	246,8 x 165,2 x 27 mm
Peso (sem base)		0,7 kg	
Saída de Áudio		5 W x 1 (Só é suportado o modelo DB10E-T.)	
Fonte de alimentação		CA 100 para 240 V CA (+/- 10%), 60/50 Hz ± 3 Hz Consulte a etiqueta na parte posterior do produto pois a tensão padrão pode variar em países diferentes.	
Características ambientais	Funcionamento	Temperatura: 0 °C - 40 °C (32 °F - 104 °F) Humidade: 10% - 80%, sem condensação	
	Armazenamento	Temperatura: -20 °C - 45 °C (-4 °F - 113 °F) Humidade: 5% - 95%, sem condensação	

– Este dispositivo é um aparelho digital de classe A.

Poupança de energia

Poupança de energia	Funcionamento normal			Modo de poupança de energia (Sinal SOG: não suportado no modo DPM)	Alimentação desligada (botão de alimentação)
	Nominal	Típico	Máx.		
Indicador de corrente	Desligar			A piscar	Ligar
Consumo de energia	22 W	18 W	24,2 W	Menos de 0,5 W	Menos de 0,5 W

– O nível de consumo de energia apresentado pode variar consoante as condições de funcionamento, ou caso as definições sejam alteradas.

[繁體中文]

規格

型號名稱		DB10E-T	DB10E-POE
指定型號名稱		LH10DBE-T	LH10DBE-POE
面板	大小	10 英吋系列 (10.1 英吋 / 25 公分)	
	可視面積	217.0 公釐（水平）x 135.6 公釐（垂直）	
尺寸（寬 x 高 x 深）		246.8 x 165.2 x 27.9 公釐	246.8 x 165.2 x 27 公釐
重量（不含支架）		0.7 公斤	
音訊輸出		5 W x 1 (僅支援 DB10E-T 機型。)	
電源		AC 100 至 240 VAC (+/- 10%), 60/50 Hz ± 3 Hz 請參閱產品後方的標籤，不同國家地區的標準電壓不盡相同。	
環境因素	工作	溫度: 0 °C - 40 °C (32 °F - 104 °F) 濕度: 10% - 80%，無冷凝	
	存放	溫度: -20 °C - 45 °C (-4 °F - 113 °F) 濕度: 5% - 95%，無冷凝	

- 此裝置是 A 類數位設備。

PowerSaver

PowerSaver	正常作業			節能模式（SOG 訊號：不支援 DPM 模式）	關機（電源按鈕）
	額定	典型	最大		
電源指示燈	關閉			閃爍	開啓
耗電量	22 W	18 W	24.2 W	少於 0.5 W	少於 0.5 W

– 在不同的操作條件下或設定變更時，顯示的耗電量也會有所不同。

[Français]

Caractéristiques techniques

Nom du modèle		DB10E-T	DB10E-POE
Panneau	Taille	Classe 10 (10,1 pouces / 25 cm)	
	Surface d'affichage	217,0 mm (H) x 135,6 mm (V)	
Dimensions (L x H x P)		246,8 x 165,2 x 27,9 mm	246,8 x 165,2 x 27 mm
Poids (sans le socle)		0,7 kg	
Sortie audio		5 W x 1 (Seul le modèle DB10E-T est pris en charge.)	
Alimentation		CA 100 à 240 VAC (+/- 10%), 60 / 50 Hz ± 3 Hz Reportez-vous à l'étiquette apposée au dos du produit, car la tension standard peut varier en fonction du pays.	
Considérations environnementales	Fonctionnement	Température: 0 °C – 40 °C (32 °F – 104 °F) Humidité: 10% à 80%, sans condensation	
	Stockage	Température: -20 °C – 45 °C (-4 °F – 113 °F) Humidité: 5% à 95%, sans condensation	

– Ce périphérique est un appareil numérique de Classe A.

Economiseur d'énergie

Economiseur d'énergie	Fonctionnement normal			Mode d'économie d'énergie (signal SOG : mode DPM non pris en charge)	Mise hors tension (bouton d'alimentation)
	Nominal	Type	Max.		
Indicateur d'alimentation	Arrêt			Clignotant	Activé
Consommation	22 W	18 W	24,2 W	Moins de 0,5 W	Moins de 0,5 W

– Le niveau de consommation affiché peut varier selon les conditions de fonctionnement ou lors de la modification des paramètres.

[Tiếng Việt]

Các thông số kỹ thuật

Tên môđen		DB10E-T	DB10E-POE
Màn hình	Kích thước	Loại 10 (10,1 inch / 25 cm)	
	Vùng hiển thị	217,0 mm (H) x 135,6 mm (V)	
Kích thước (R x C x S)		246,8 x 165,2 x 27,9 mm	246,8 x 165,2 x 27 mm
Khối lượng (không có chân đế)		0,7 kg	
Tín hiệu âm thanh đầu ra		5 W x 1 (Chỉ hỗ trợ kiểu máy DB10E-T.)	
Nguồn điện		AC 100 đến 240 VAC (+/- 10%), 60 / 50 Hz ± 3 Hz Hãy tham khảo nhãn ở phía sau sản phẩm vì điện áp tiêu chuẩn có thể khác nhau ở các quốc gia khác nhau.	
Các yếu tố môi trường	Vận hành	Nhiệt độ: 0 °C – 40 °C (32 °F – 104 °F) Độ ẩm: 10% – 80%, không ngưng tụ	
	Lưu trữ	Nhiệt độ: -20 °C – 45 °C (-4 °F – 113 °F) Độ ẩm: 5% – 95%, không ngưng tụ	

– Thiết bị này là thiết bị kỹ thuật số Hạng A.

Trình tiết kiệm năng lượng

Trình tiết kiệm năng lượng	Vận hành bình thường			Chế độ tiết kiệm năng lượng (Tín hiệu SOG : Không hỗ trợ chế độ DPM)	Tắt nguồn (Nút nguồn)
	Đánh giá	Phổ biến	Tối đa		
Chỉ báo nguồn	Tắt			Nhấp nháy	Mở
Lượng tiêu thụ điện năng	22 W	18 W	24,2 W	Dưới 0,5 W	Dưới 0,5 W

– Mức độ tiêu thụ năng lượng được hiển thị có thể khác nhau trong các điều kiện vận hành khác nhau hoặc khi thay đổi cài đặt.

[العربية]

المواصفات

اسم الموديل		DB10E-T	DB10E-POE
لوحة	الحجم	الفئة 10 (10.1 بوصة / 25 سم)	
	منطقة العرض	217.0 ملم (أفقي) × 135.6 ملم (رأسي)	
الأبعاد (العرض x الارتفاع x العمق)		246.8 × 165.2 × 27.9 مم	246.8 × 165.2 × 27 مم
الوزن (دون الحامل)		0.7 كجم	
إخراج الصوت		5 واط × 1 (يتم دعم النموذج DB10E-T فقط.)	
مصدر إمداد الطاقة		تيار متردد 100 إلى 240 فولت تيار متردد (+/- 10%) و 50/60 هرتز ± 3 هرتز اطلع على الملصق الموجود بالجانب الخلفي من المنتج، حيث قد تختلف الفولتية القياسية باختلاف الدول.	
الاعتبارات البيئية	أثناء التشغيل	درجة الحرارة: 0 إلى 40 درجة مئوية (32 إلى 104 درجة فهرنهايت) الرطوبة: 10% - 80%، دون تكاثف	
	التخزين	درجة الحرارة: -20 إلى 45 درجة مئوية (-4 إلى 113 درجة فهرنهايت) الرطوبة: 5% - 95%، دون تكاثف	

– هذا الجهاز يُعد جهاز رقمي من الفئة أ.

موفر الطاقة

موفر الطاقة	التشغيل العادي			وضع توفير الطاقة (إشارة SOG:وضع DPM غير مدعوم)	إيقاف التشغيل (زر الطاقة)
	الثقتين	نموذجي	الحد الأقصى		
مؤشر الطاقة	إيقاف التشغيل			وميض	مضيء
استهلاك الطاقة	22 واط	18 واط	24.2 واط	أقل من 0.5 واط	أقل من 0.5 واط

– قد يختلف مستوى استهلاك الطاقة المعروض باختلاف ظروف التشغيل أو عند تغيير الإعدادات.

Contact SAMSUNG WORLD WIDE
Comment contacter Samsung dans le monde

Web site: http://www.samsung.com

Country	Customer Care Centre
ALGERIA	021 36 11 00
AUSTRALIA	1300 362 603
BAHRAIN	8000-GSAM (8000-4726)
BANGLADESH	09612300300
BOTSWANA	8007260000
BURUNDI	200
CAMEROON	7095-0077
COTE D'IVOIRE	8000 0077
DRC	499999
EGYPT	08000-7267864 16580
GHANA	0800-10077 0302-200077
HONG KONG	(852) 3698 4698
INDIA	1800 3000 8282 - Toll Free 1800 266 8282 - Toll Free
INDONESIA	021-56997777 08001128888
IRAN	021-8255 [CE]
JORDAN	0800-22273 06 5777444

Country	Customer Care Centre
KENYA	0800 545 545
KUWAIT	183-CALL (183-2255)
MACAU	0800 333
MALAYSIA	1800-88-9999 603-77137477 (Overseas contact)
MAURITIUS	23052574020
MOROCCO	080 100 22 55
MOZAMBIQUE	847267864 / 827267864
MYANMAR	+95-01-2399-888
NAMIBIA	08 197 267 864
NEW ZEALAND	0800 726 786
NIGERIA	0800-726-7864
OMAN	800-SAMSUNG (800 - 726 7864)
PAKISTAN	0800-Samsung (72678)
PHILIPPINES	1-800-10-7267864 [PLDT] 1-800-8-7267864 [Globe landline and Mobile] 02-4222111 [Other landline]
QATAR	800-CALL (800-2255)
REUNION	262508869

Country	Customer Care Centre
RWANDA	9999
SAUDI ARABIA	8002474357
SENEGAL	800-00-0077
SINGAPORE	1800-SAMSUNG (726-7864)
SOUTH AFRICA	0860 SAMSUNG (726 7864)
SRI LANKA	94117540540
SUDAN	1969
SYRIA	18252273
TAIWAN	0800-329999
TANZANIA	0800 755 755 / 0685 889 900
THAILAND	0-2689-3232, 1800-29-3232
TUNISIA	80-1000-12
U.A.E	800-SAMSUNG (800 - 726 7864)
UGANDA	0800 300 300
VIETNAM	1800 588 889
ZAMBIA	0211 350370